TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2025
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần S, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ 33, phường Cẩm L (phường Khuê Trung, quận Cẩm L cũ), thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện tại: H12/10/K108 Bùi Xương T, phường Cẩm L (phường Khuê Trung cũ), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Bích L, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ 33, phường Cẩm L (phường Khuê T, quận Cẩm L cũ), thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2025, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần S xác định, ông và bà Đoàn Thị Bích L kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết vợ chồng chung sống tại phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Hai vợ chồng sống với nhau nhưng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã;

bà L không lo làm việc xây dựng cuộc sống vợ chồng, thường xuyên bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân, sự việc kéo dài và diễn ra nhiều lần, gia đình hai bên đã vào can thiệp, động viên hòa giải nhưng bà L lại tiếp tục bỏ nhà đi từ tháng 12/2024 đến nay ông S không rõ bà L đi đâu nên hai người đã sống ly thân và ông cùng con đã về nhà cha mẹ tại địa chỉ H12/10/K108 Bùi Xương T cùng phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ở. Nay ông S xác định không còn tình cảm, thương yêu bà L, xét mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn với bà Đoàn Thị Bích L.

Về quan hệ con chung: Ông Trần S xác định, ông và bà L 01 con chung là Trần H, sinh này 01/7/2011. Ly hôn, ông xin được nuôi con. Không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Trần S xác định, ông và bà L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần S xác định, ông và bà L không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Đoàn Thị Bích L đã được Tòa án tống đạt các thông báo, quyết định và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Đoàn Thị Bích L đã được Tòa án tống đạt các thông báo, quyết định và triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để trình bày ý kiến nên bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng. Phiên tòa này đã được mở lại lần thứ hai nên quyền lợi của bị đơn đã được bảo đảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần S về việc xin ly hôn đối với bà Đoàn Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần S được ly hôn đối với bà Đoàn Thị Bích L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Trần H, sinh này 01/7/2011 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên trực tiếp nuôi con và bên không trực tiếp nuôi con chung vẫn được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (sau đây gọi là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng) thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà Đoàn Thị Bích L; trú tại: Tổ 33, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nă 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn bà Đoàn Thị Bích L đã được Tòa án tống đạt các thông báo, quyết định và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Phiên tòa này đã được mở lại lần thứ hai nhưng bà L vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn bà Đoàn Thị Bích L.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần S xin được ly hôn với bà Đoàn Thị Bích L.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần S thì thấy: Ông Trần S với bà Đoàn Thị Bích L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng vào ngày 2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân của ông S với bà L không hạnh phúc, thể hiện hai người không sống chung, đã sống ly thân nhau, ông S xác định đã cùng con về nhà cha mẹ ở cùng phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng sông; bà L thường xuyên bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân, ông S và chính quyền địa phương không biết bà L đi đâu.

Tòa án đã về nơi đăng ký thường trú của bà L để xác minh nơi cư trú, quan hệ hôn nhân, con chung của ông S và bà L thì được biết, ông S bà L là công dân tại địa phương, nhưng hiện vợ chồng ông S bà L không còn sống tại địa phương, bà L đi đâu chính quyền địa phương không rõ, còn về mâu thuẫn vợ chồng do ông S và bà L không báo nên không biết. Căn cứ Luật cư trú và Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho

bà L biết, Tòa án đang thụ lý vụ án ly hôn do ông Trần S khởi kiện xin ly hôn bà L nhưng bà L vẫn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông S và bà L đã bị rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn được, xét mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của ông S đối với bà Đoàn Thị Bích L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông S xác định, ông với bà L có 01 con chung là chaú Trần H, sinh này 01/7/2011. Ly hôn, ông S xin nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi. Không yêu cầu bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của ông S thì thấy: Ông S với bà L có 01 con chung, ông S và bà L có quyền được nuôi con. Tuy nhiên, hiện tại bà L đã bỏ nhà đi đâu ông S và chính quyền địa phương không biết nên không rõ nguyện vọng của bà L về việc nuôi con như thế nào, cháu Hào hiện đang trực tiếp ở với ông S và được ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, cho ăn học đầy đủ; cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông S nên không thể giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng mà giao cho ông S nuôi là phù hợp. Do đó, yêu cầu xin nuôi con của ông S là có căn cứ chấp nhận.

Bên trực tiếp nuôi con và bên không trực tiếp nuôi con chung vẫn được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông S xác định, ông với bà L không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông S xác định, ông với bà L không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần S phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần S đối với bà Đoàn Thị Bích L về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần S được ly hôn đối với bà Đoàn Thị Bích L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Trần H, sinh này 01/7/2011 cho ông Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên trực tiếp nuôi con và bên không trực tiếp nuôi con chung vẫn được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông S đã nộp tại biên lai thu số 0009547 ngày 21/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Năng. Ông S đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/8/2025

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Thi Hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Cẩm Lệ (phường Khuê Trung cũ, số 119/2010), thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh